

Ứng phó của người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh đại dịch Covid-19

Phạm Thị Thùy Trang^{1,*}, Nguyễn Thủy Nguyên²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm hiểu các tác động của đại dịch Covid-19 đối với các nhóm lao động khác nhau ở Thành phố Hồ Chí Minh thông qua lăng kính xã hội học. Nghiên cứu này tập trung phân tích sự chênh lệch giữa các nhóm lao động trong việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề do tác động của đại dịch. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp định lượng và định tính, bao gồm phân tích thứ cấp với 350 đơn vị mẫu và phỏng vấn sâu với 16 người tham gia.

Kết quả cho thấy cách ứng phó của chính phủ có ảnh hưởng đáng kể đến cơ chế ứng phó của các cá nhân. Nghiên cứu cũng nêu bật vai trò quan trọng của vốn xã hội và mạng lưới xã hội trong việc vượt qua khó khăn do đại dịch gây ra. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh những tác động kinh tế xã hội đối với các nhóm lao động dễ bị tổn thương, đặc biệt là sự gia tăng bất bình đẳng xã hội. Các yếu tố như sự khác biệt trong khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế, mất việc làm và thu nhập cũng như khả năng tiếp cận thông tin và hỗ trợ đã góp phần làm gia tăng sự bất bình đẳng này. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách hỗ trợ, đặc biệt đối với nhóm người lao động có mạng lưới xã hội nhỏ. Bằng việc cung cấp những hiểu biết sâu sắc về tác động không đồng đều của đại dịch Covid-19 đối với các nhóm lao động khác nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, bài viết nhằm đưa ra các giải pháp chính sách can thiệp phù hợp và hiệu quả hơn để giảm bất bình đẳng và thúc đẩy phục hồi kinh tế xã hội. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đề xuất, bao gồm thiết kế chính sách phù hợp với từng nhóm nhân khẩu học, tạo khung chính sách để tiếp cận và toàn diện hơn, khai thác vốn xã hội và mạng lưới xã hội để tăng cường khả năng phục hồi của người lao động, và đảm bảo tiếp cận công bằng cho cả người lao động chính thức và phi chính thức với hỗ trợ của chính phủ.

Từ khóa: tác động của Covid-19, hỗ trợ của chính phủ, chiến lược ứng phó, người lao động, Thành phố Hồ Chí Minh

¹Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

²Học viên cao học Khoa Xã hội học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Phạm Thị Thùy Trang, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: trangpham@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19/01/2024
- Ngày sửa đổi: 24/6/2024
- Ngày chấp nhận: 19/9/2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



1 ĐẶT VẤN ĐỀ

2 Covid-19 là đại dịch toàn cầu được Tổ chức Y tế Thế
3 giới (WHO) tuyên bố vào ngày 11 tháng 3 năm 2020,
4 đã tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến nhiều lĩnh vực
5 trên toàn cầu. Ảnh hưởng này đặc biệt sâu rộng tại
6 các trung tâm đô thị lớn, trong đó có Thành phố Hồ
7 Chí Minh - một trung tâm năng động và là trái tim
8 của nền kinh tế Việt Nam.
9 Tại Việt Nam, đại dịch Covid-19 qua bốn lần sóng bắt
10 đầu từ tháng 1/2020 đến hết tháng 12/2021, đã gây tác
11 động không nhỏ đến doanh thu, lao động và việc làm.
12 Điều này dẫn đến việc sụt giảm GDP, giảm quy mô sản
13 xuất, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, ảnh hưởng đến thu
14 nhập của người lao động Do, TT và cộng sự¹; Hanh,
15 PT và cộng sự². Thị trường lao động đã chứng kiến tỷ
16 lệ thất nghiệp và thiếu việc làm gia tăng Trinh, NT³;
17 Quy, NT và Dung, NT⁴. Đại dịch cũng ảnh hưởng
18 đến chất lượng việc làm, làm giảm thời gian làm việc
19 và thu nhập hằng tháng của người lao động Dang, HH
20 và Nguyen, CV⁵. Dưới những tác động tiêu cực này,

chính phủ Việt Nam đã triển khai các biện pháp hỗ trợ
doanh nghiệp và người lao động, nhưng thị trường
lao động vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức
Nguyen Van, H và cộng sự⁶.

Riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng lao động
đa dạng, bao gồm những người lao động làm việc
trong nhiều ngành khác nhau như du lịch, sản xuất
và dịch vụ, đã phải đối mặt với những thách thức lớn
do đại dịch gây ra. Các biện pháp của chính phủ Việt
Nam nhằm kiểm soát sự lây lan của vi-rút, như phong
tỏa, giãn cách xã hội và hạn chế đi lại, đã tạo ra hậu
quả rộng rãi đối với hoạt động kinh tế và lực lượng lao
động của thành phố Nguyen HTT và cộng sự⁷. Năm
2020, Thành phố Hồ Chí Minh đã chứng kiến sự giảm
mạnh mẽ trong tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa
bàn (GRDP), với mức giảm 6,78%. Mức giảm đáng
chú ý nhất là trong quý thứ ba, khi GRDP giảm hơn
24% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh sự gián đoạn
kinh tế do đại dịch gây ra GSO⁸. Điều này cho thấy
mức độ phức tạp của tình hình đại dịch, đặc biệt đối
với các nhóm dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, lao

Trích dẫn bài báo này: Trang P T T, Nguyễn N T. **Ứng phó của người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh đại dịch Covid-19.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (1):1-15.

động phổ thông, người di cư và những người tham gia làm việc phi chính thức, đã phải chịu đựng và ứng phó với sự suy thoái này Huynh, DV và cộng sự⁹, VNAT¹⁰.

Trước đại dịch Covid-19 căng thẳng và đầy thách thức, Việt Nam đã có những ứng phó mạnh mẽ, được thể hiện thông qua các hành động nhanh chóng và chủ động, bao gồm phong tỏa có mục tiêu, cấm đi lại, đóng cửa kinh doanh, cách ly hàng loạt và xét nghiệm diện rộng Dinh, L và cộng sự¹¹. Các chiến lược của chính phủ Việt Nam đã phát huy hiệu quả, bao gồm việc kiểm soát dịch bệnh, thúc đẩy tinh thần hợp tác và đoàn kết toàn dân, thực hiện truyền thông, kết hợp phòng dịch và thích ứng Hartley, K và cộng sự¹². Các biện pháp kiểm soát chính bao gồm các hành động sớm và mạnh mẽ, sàng lọc và xét nghiệm trên toàn quốc, truy tìm dấu vết tiếp xúc nghiêm ngặt, cách ly 14 ngày và các biện pháp phòng ngừa Anh, N.T., và Hoa D.T¹³. Các chính sách y tế công cộng của chính phủ, bao gồm phong tỏa sớm, tăng tính lan truyền của thông tin y tế, khuyến khích khai báo y tế và quy định đeo khẩu trang, cũng đã có hiệu quả Huynh, T.L¹⁴.

Bên cạnh việc phòng ngừa và kiểm soát dịch bệnh, Việt Nam cũng đã đưa ra các chính sách bảo trợ xã hội để hỗ trợ các nhóm bị ảnh hưởng Nguyen, L và Bui, M¹⁵. Hệ thống chính sách đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ứng phó với sự kết hợp hài hòa của các yếu tố góp phần tạo nên thành công trong hoạt động chống dịch tại Việt Nam Hartley, K và cộng sự¹⁶.

Nền kinh tế Việt Nam cũng cho thấy khả năng phục hồi sau đại dịch, với trọng tâm là nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hỗ trợ doanh nghiệp. Một loạt chiến lược đã được đề xuất nhằm phục hồi và phát triển bền vững của Việt Nam sau đại dịch bao gồm sự cần thiết của sự hỗ trợ của chính phủ và phát triển doanh nghiệp Anh, N.T¹⁷, và đẩy mạnh tiềm năng du lịch nội địa Tung, L.T và Duc, L.A¹⁸. Ngoài ra, các nghiên cứu khác đều nhấn mạnh tầm quan trọng của các biện pháp chính sách, trong đó trước đây tập trung vào các chương trình hỗ trợ và kích thích kinh doanh, sau đó là về phòng chống và kiểm soát đại dịch Thắng, V.C¹⁹; Van Tam, N²⁰. Bên cạnh đó, Tran, D.T và cộng sự²¹; P.M, và Buyanova, M.E²² cũng có những thảo luận về nhu cầu phát triển đô thị và khả năng cạnh tranh kinh tế, trong đó Tran, D.T và cộng sự²¹ đặc biệt đề cập đến không gian công cộng và Tung, L.T và Duc, L.A¹⁸ tập trung vào cải cách cơ cấu. Cuối cùng Anh, N.T²³ cung cấp cái nhìn tổng quan về quá trình phục hồi kinh tế hiện nay và đề xuất các giải pháp phát triển tiếp theo.

Như vậy, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về tác động của đại dịch Covid-19 đối với nền kinh tế và thị

trường lao động tại Việt Nam nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cũng như những nghiên cứu về phản ứng của chính phủ và khả năng phục hồi của nền kinh tế Việt Nam, nhưng, có một khoảng trống trong việc đánh giá cách thức mà người lao động, đặc biệt là những người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã ứng phó với những thách thức do đại dịch gây ra. Đặc biệt, việc hiểu rõ hơn về mối liên kết giữa các chiến lược ứng phó của người lao động và các yếu tố như tình trạng công việc, trình độ học vấn, đặc điểm nhân khẩu xã hội và cách tiếp cận chính sách hỗ trợ của họ vẫn còn là một kẽ hở trong nghiên cứu hiện tại. Để hiểu rõ hơn về tác động phức tạp của đại dịch Covid-19 đối với người lao động ở thành thị, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi có nền kinh tế linh hoạt, dân số đông đúc và tỷ lệ di cư cao, nghiên cứu đã sử dụng kết hợp hai lý thuyết chính: lý thuyết ứng phó xã hội Gerhardt, U²⁴ và lý thuyết vốn xã hội Bourdieu, P²⁵; Coleman, James²⁶; Putnam, R²⁷ để làm sáng tỏ các chiến lược ứng phó của người lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Cụ thể, lý thuyết ứng phó xã hội mở rộng khái niệm ứng phó lên mức độ xã hội, nhấn mạnh cách thức cộng đồng tập thể ứng phó với các yếu tố căng thẳng, được ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội như văn hóa, sự hỗ trợ xã hội và quy tắc. Lý thuyết này nhấn mạnh vai trò của hành động xã hội trong việc điều chỉnh các yếu tố căng thẳng hoặc thay đổi phản ứng đối với các yếu tố gây căng thẳng, đồng thời làm sáng tỏ cách các nhóm xã hội đối mặt với những khó khăn như phân biệt đối xử, khó khăn kinh tế, hoặc khủng hoảng sức khỏe, phản ứng và thích nghi. Bên cạnh đó, lý thuyết vốn xã hội cho rằng các nguồn lực xã hội gắn kết trong mối quan hệ giữa cá nhân và nhóm có thể được sử dụng để đạt được mục tiêu cá nhân hoặc tập thể, giúp làm sáng tỏ cách người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh dựa vào mạng lưới xã hội của họ để nhận sự hỗ trợ trong đại dịch. Như vậy, bằng cách kết hợp cả hai lý thuyết trên, nghiên cứu mong muốn tìm kiếm mối liên quan giữa các chiến lược ứng phó mà người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng trong thời kỳ đại dịch bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Người lao động đã tìm kiếm cơ hội và vượt qua thách thức như thế nào trong đại dịch Covid-19?
2. Có mối tương quan nào giữa chiến lược ứng phó của người lao động với tình trạng công việc, trình độ học vấn và đặc điểm nhân khẩu xã hội của họ?
3. Cách tiếp cận chính sách hỗ trợ giữa lao động chính thức và lao động phi chính thức khác nhau như thế nào?
4. Các chính sách hỗ trợ và phòng chống dịch bệnh của chính phủ trong đại dịch Covid-19 ảnh hưởng như thế nào đến chiến lược ứng phó của người lao động?

149 **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

150 Bài viết này áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn
 151 hợp kết hợp cả định lượng và định tính. Đối với phần
 152 định lượng, nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp bao
 153 gồm 350 đơn vị mẫu tại Thành phố Hồ Chí Minh từ
 154 đề tài B2022-18B-06/-KHCN. Về phương pháp chọn
 155 mẫu, nghiên cứu này tuân thủ các hướng dẫn về kích
 156 thước mẫu lý tưởng được đề xuất bởi Hair, J.F.²⁸. Xét
 157 với số biến độc lập (13 biến) và tỷ lệ kích thước mẫu
 158 tối thiểu được đề xuất bởi Hair, J.F.²⁸ là 5:1, với tỷ lệ
 159 ưu tiên là 10:1 hoặc 15:1. Dựa trên các tham số này,
 160 kích thước mẫu tối thiểu sẽ nằm trong khoảng từ 65
 161 đến 195. Đối với kích thước mẫu được lựa chọn trong
 162 nghiên cứu này là 350, tương đương với tỷ lệ 27:1,
 163 được xem là cỡ mẫu hợp lý, do đó, giải quyết được
 164 vấn đề lượng và chất của mẫu nghiên cứu, đặc biệt là
 165 xét đến việc tổng thể số lao động du lịch tại Thành
 166 phố Hồ Chí Minh khó xác định. Dữ liệu khảo sát
 167 sau khi thu thập, đã được phân tích dựa trên mô hình
 168 hồi quy tuyến tính bội, nhằm mục tiêu khám phá mối
 169 tương quan giữa các biện pháp ứng phó của người lao
 170 động trong đại dịch Covid-19 với tình trạng công việc,
 171 trình độ học vấn và đặc điểm nhân khẩu xã hội của họ.
 172 Bài viết cũng tìm hiểu sự chênh lệch trong cách tiếp
 173 cận chính sách hỗ trợ giữa người lao động chính thức
 174 và phi chính thức trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
 175 Ngoài ra, nghiên cứu cũng tìm hiểu các ảnh hưởng
 176 của biện pháp phòng chống dịch bệnh của chính phủ
 177 và các chính sách hỗ trợ trong đại dịch Covid-19 đối
 178 với chiến lược ứng phó của người lao động.
 179 Để cung cấp cái nhìn toàn diện hơn về chiến lược ứng
 180 phó của người lao động du lịch trong đại dịch, phương
 181 pháp nghiên cứu định tính được sử dụng để khám phá
 182 các khía cạnh mà nghiên cứu định lượng không thể
 183 tiếp cận được, nhằm bổ sung thông tin cho phần kết
 184 quả của các phân tích định lượng. Nghiên cứu tương
 185 thuật được thực hiện thông qua cuộc phỏng vấn sâu
 186 sơ cấp với 16 người tham gia, bao gồm cả lao động
 187 chính thức và phi chính thức tại Thành phố Hồ Chí
 188 Minh. Thời gian thu thập dữ liệu kéo dài từ tháng
 189 12 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023. Các cuộc phỏng
 190 vấn được tiến hành bằng phương pháp bán cấu trúc để
 191 linh hoạt nhưng vẫn giữ được sự tập trung vào trọng
 192 tâm nội dung. Cuộc phỏng vấn được chia thành hai
 193 phần: phần đầu tiên tập trung vào thông tin cơ bản
 194 về người tham gia, trong khi phần thứ hai tìm hiểu
 195 về trải nghiệm cá nhân và gia đình của họ trong đại
 196 dịch Covid-19. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành
 197 gỡ băng (transcript), sau đó, dữ liệu từ các cuộc phỏng
 198 vấn này được mã hóa thủ công (code) nhằm tìm ra
 199 các phạm trù (category), các chủ đề (themes) bằng
 200 phương pháp phân tích diễn ngôn (narrative analys-
 201 is) kết hợp với phân tích chủ đề (thematic analysis).
 202

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích định lượng

203
 204
 205 Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp với kích thước
 206 mẫu bao gồm 350 người lao động. Trong đó, người
 207 lao động nhập cư là 179 người, chiếm 51,1% và người
 208 lao động thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh là
 209 171 người, chiếm 48,9%. Trong số người tham gia,
 210 lao động chính thức có 214 người, chiếm 61,1% và lao
 211 động phi chính thức có 136 người, chiếm 38,9%. Phân
 212 phối giới tính có tổng cộng 189 nam (chiếm 54%) và
 213 161 nữ (chiếm 46%). Tình trạng hôn nhân được chia
 214 làm ba nhóm: với 165 người độc thân (chiếm 47,1%),
 215 179 người đã kết hôn (chiếm 51,1%) và 6 người đã ly
 216 hôn (chiếm 1,7%).

217 Dữ liệu định lượng sau đó đã được phân tích bằng
 218 phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính bội, với
 219 mô hình được xác định như Bảng 1.

220 Mô hình tóm tắt (Mô hình t^b) (Bảng 2) thể hiện giá
 221 trị R bình phương là 0,821, cho thấy rằng các biến độc
 222 lập trong mô hình giải thích 82,1% sự biến đổi trong
 223 chiến lược ứng phó. Tính đến điểm này, các biến độc
 224 lập trong mô hình không giải thích toàn bộ sự biến
 225 đổi trong chiến lược ứng phó, tuy nhiên, chúng vẫn
 226 đóng vai trò quan trọng bằng cách cung cấp một cơ
 227 sở khởi đầu hữu ích để hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến
 228 chiến lược ứng phó. Giá trị Sig <= 0,01 cho thấy mô
 229 hình có giá trị thống kê, chẳng hạn có ít nhất một biến
 230 độc lập có ảnh hưởng đáng kể đến chiến lược ứng phó
 231 của người lao động. Ngoài ra, Durbin Watson = 1,745
 232 nằm trong khoảng từ 0 đến 4 và giá trị Tolerance >
 233 0,10 và các giá trị VIF < 2 (Bảng 4) cho thấy không
 234 xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Điều này làm tăng
 235 cường sự quan trọng của việc kiểm tra mối quan hệ
 236 giữa các biến này và chiến lược ứng phó, làm nổi bật
 237 sự cần thiết của việc tiến hành thêm nghiên cứu định
 238 tính để hiểu đầy đủ về mối quan hệ này.

239 Bảng ANOVA^a (Bảng 3) với giá trị Sig. = 0,000 chỉ ra
 240 rằng ít nhất một trong các yếu tố dự đoán có mối quan
 241 hệ đáng kể với chiến lược ứng phó. Đồng thời, giá trị
 242 F là 118,284 cho thấy, mô hình hồi quy giải thích một
 243 tỷ lệ đáng kể của sự biến đổi trong biến phụ thuộc, đó
 244 chính là chiến lược ứng phó. Các con số này không
 245 chỉ là bằng chứng cho tính phù hợp cao của mô hình
 246 hồi quy với dữ liệu, mà còn chứng minh rằng các yếu
 247 tố dự đoán được bao gồm trong mô hình đóng góp
 248 một cách đáng kể vào việc hiểu chiến lược ứng phó
 249 của người lao động trong bối cảnh đại dịch Covid-19
 250 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

251 Kết quả phân tích hồi quy cho biết rằng Tình trạng di
 252 cư ($\beta = -0,453, p = 0,000$) và Tình trạng hôn nhân
 253 ($\beta = -0,369, p = 0,000$) đều có khả năng dự đoán
 254 một cách đáng kể chiến lược ứng phó của người lao

Bảng 1: Mô hình hồi quy tuyến tính bội (Nguồn: Nhóm tác giả)

Mô hình		Beta
Các chiến lược ứng phó	← Tình trạng di cư	-0,453
	← Loại hình lao động	-0,011
	← Giới tính	-0,352
	← Số con	-0,015
	← Tình trạng hôn nhân	-0,369
	← Tình trạng học vấn	-0,038
	← Nguồn hỗ trợ	0,001
	← Mức độ hỗ trợ	-0,020
	← Hỗ trợ nhận được	-0,025
	← Mức độ ảnh hưởng thu nhập	-0,185
	← Mức sống trước dịch	-0,243
	← Chiến lược thực hiện kế hoạch	-0,390
	← Tiếp cận chính sách hỗ trợ	0,394
	R Bình phương = 0,821	
Sig <= 0,01		

Bảng 2: Tóm tắt mô hình^b (Nguồn: Nhóm tác giả)

Tóm tắt Mô hình ^b					
Mô hình	R	R Bình phương	R Bình phương hiệu chỉnh	Sai số chuẩn	Durbin-Watson
1	0,906 ^a	0,821	0,814	0,522	1,745
^a . Biến độc lập (Dự đoán) (Hằng số) cố định: Số con, Loại hình lao động, Tình trạng di cư, Giới tính, Trình độ học vấn, Tình trạng hôn nhân, Chiến lược thực hiện kế hoạch, Nguồn hỗ trợ, Mức độ hỗ trợ, Hỗ trợ nhận được, Mức độ ảnh hưởng thu nhập, Tiếp cận chính sách hỗ trợ, Mức sống trước dịch. ^b . Biến phụ thuộc: Chiến lược ứng phó					

Bảng 3: ANOVA^a (Nguồn: Nhóm tác giả)

ANOVA ^a						
Mô hình	Tổng bình phương	df	Trung bình Bình phương	F	Sig.	
Hồi quy	419,738	13	32,288	118,284	0,000 ^b	
Phần dư	91,717	336	0,273			
Tổng	511,454	349				
^a . Biến phụ thuộc: Chiến lược ứng phó ^b . Biến độc lập (Dự đoán) (Hằng số) cố định: Số con, Loại hình lao động, Tình trạng di cư, Giới tính, Trình độ học vấn, Tình trạng hôn nhân, Chiến lược thực hiện kế hoạch, Nguồn hỗ trợ, Mức độ hỗ trợ, Hỗ trợ nhận được, Mức độ ảnh hưởng thu nhập, Tiếp cận chính sách hỗ trợ, Mức sống trước dịch						

Bảng 4: Hệ số hồi quy Coefficients^a (Nguồn: Nhóm tác giả)

Mô hình		Hệ số Hồi quy Phi chuẩn hóa (Unstandardized Coefficients)		Hệ số Hồi quy chuẩn hóa (Standardized Coefficients)			Thống kê tương quan đồng biến (Collinearity Statistics)	
		Std. Error	Beta	t	Sig.	Tolerance	VIF	
1	(Hằng số)	10,634	0,394		26,974	0,000		
	Số con	-0,019	0,039	-0,015	-0,492	0,623	0,578	1,730
	Loại hình lao động	-0,027	0,065	-0,011	-0,415	0,678	0,767	1,303
	Tình trạng di cư	-1,094	0,059	-0,453	-18,662	0,000	0,908	1,102
	Giới tính	-0,853	0,058	-0,352	-14,592	0,000	0,919	1,088
	Trình độ học vấn	-0,028	0,021	-0,038	-1,327	0,185	0,655	1,526
	Tình trạng hôn nhân	-0,841	0,070	-0,369	-12,091	0,000	0,572	1,749
	Chiến lược thực hiện kế hoạch	-0,516	0,033	-0,390	-15,675	0,000	0,861	1,161
	Nguồn hỗ trợ	0,001	0,022	0,001	0,043	0,966	0,663	1,508
	Mức độ hỗ trợ	-0,020	0,024	-0,020	-0,812	0,418	0,852	1,174
	Hỗ trợ nhận được	-0,002	0,002	-0,025	-1,008	0,314	0,885	1,129
	Mức độ ảnh hưởng thu nhập	-0,550	0,075	-0,185	-7,355	0,000	0,843	1,186
	Tiếp cận chính sách hỗ trợ	1,030	0,068	0,394	15,077	0,000	0,780	1,282
	Mức sống trước dịch	-0,714	0,077	-0,243	-9,286	0,000	0,782	1,278

a. Biến phụ thuộc: Chiến lược ứng phó

động trước đại dịch Covid-19. Thông tin chỉ ra rằng những người lao động không di cư và đã kết hôn có xu hướng sử dụng chiến lược ứng phó hiệu quả hơn so với nhóm người di cư và người độc thân, điều này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đó. Ví dụ, Goh và cộng sự²⁹ đã phát hiện ra rằng người lao động thường trú đánh giá cao các mạng lưới an toàn về sức khỏe thể chất và tinh thần, cũng như cho công việc và thu nhập cơ bản của họ. Tương tự, Htay và cộng sự³⁰ ghi nhận rằng người lao động trong ngành y tế, chủ yếu là người thường trú, đã sử dụng các chiến lược ứng phó như hỗ trợ gia đình, suy nghĩ tích cực và thực hành tôn giáo. Ogueji và cộng sự³¹ phát hiện những người thất nghiệp, thường là cư dân thường trú, đã áp dụng nhiều chiến lược ứng phó tích cực hơn. Ngoài ra, Mức sống trước dịch ($\beta = -0,714, p = 0,000$) và Mức độ ảnh hưởng thu nhập ($\beta = -0,550, p = 0,000$)

đều dự đoán một cách đáng kể hiệu quả chiến lược ứng phó của người lao động trong đại dịch Covid-19. Giá trị β âm của Mức sống trước dịch cho thấy mỗi đơn vị tăng của Mức sống trước đại dịch sẽ làm giảm 0,714 đơn vị chiến lược ứng phó đối với đại dịch. Điều này có thể được giải thích là do đại dịch đã làm tăng đáng kể việc sử dụng các dịch vụ giao đồ ăn trực tuyến, đặc biệt là ở những người có thu nhập cao hơn và những cá nhân am hiểu công nghệ Unnikrishnan, A., và Figliozzi, M.A³², do đó, mặc dù đối mặt với dịch bệnh nhưng những người ít bị ảnh hưởng thu nhập và có mức sống cao hơn vẫn đảm bảo duy trì được cuộc sống của họ. Mặt khác, những người có thu nhập thấp hơn phải đối mặt với những thách thức đặc biệt trong đại dịch, bao gồm khó tuân thủ các biện pháp can thiệp trên toàn cộng đồng, tình trạng mất an ninh lương thực gia tăng Fang, D và cộng sự³³ và những

289 thay đổi trong mô hình tiêu thụ thực phẩm Táo, L và
 290 cộng sự³⁴. Tuy nhiên, việc thay đổi hành vi tiêu dùng
 291 này không thể giải thích được cho các nhu cầu thiết
 292 yếu khác, chẳng hạn khả năng tiếp cận dịch vụ chăm
 293 sóc sức khỏe và hỗ trợ xã hội.

294 Thêm vào đó, việc tiếp cận chính sách hỗ trợ đã được
 295 xác định là ảnh hưởng đáng kể đến chiến lược ứng
 296 phó ($\beta = 0,394, p = 0,000$). Người lao động không có
 297 khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ thường phát triển
 298 nhiều chiến lược ứng phó hơn so với những người có
 299 quyền tiếp cận, chủ yếu các chiến lược ứng phó này
 300 được phát triển thông qua các mạng lưới xã hội phi
 301 chính thức như gia đình, bạn bè,... làm nổi bật tầm
 302 quan trọng của chính sách hỗ trợ trong việc hỗ trợ
 303 người lao động đối với những nhóm lao động có mạng
 304 lưới xã hội nhỏ, đặc biệt là các nhóm lao động nhập
 305 cư.

306 Tuy nhiên, không có mối tương quan đáng kể nào
 307 được tìm thấy giữa Chiến lược ứng phó và các biến
 308 Nguồn hỗ trợ ($\beta = 0,001, p = 0,966$) và Mức độ hỗ
 309 trợ nhận được ($\beta = -0,025, p = 0,314$). Điều này cho
 310 thấy số lượng và mức độ hỗ trợ nhận được không ảnh
 311 hưởng đáng kể đến chiến lược ứng phó của người lao
 312 động trong đại dịch Covid-19.

313 Tóm lại, phân tích này đặt ra sự khác biệt đáng kể
 314 giữa các nhóm lao động khác nhau và nhấn mạnh tầm
 315 quan trọng của việc tập trung chính sách để cung cấp
 316 nguồn lực cho nhóm dễ tổn thương, duy trì sự cân
 317 đối trong hỗ trợ và tạo ra chính sách để tiếp cận hơn.
 318 Những kết quả này mang lại thông điệp quan trọng
 319 để hướng dẫn phát triển chính sách và can thiệp có
 320 hiệu quả nhằm hỗ trợ người lao động trong đại dịch
 321 Covid-19.

322 Phân tích định tính

323 Tổng cộng, chúng tôi đã thực hiện 16 cuộc phỏng vấn
 324 chi tiết với những lao động tại Thành phố Hồ Chí
 325 Minh (Bảng 5). Mục tiêu chính của các cuộc phỏng
 326 vấn này là khám phá cách mà những người tham gia
 327 đã sử dụng các chiến lược ứng phó và làm thế nào
 328 việc tiếp cận các nguồn lực bên ngoài đã ảnh hưởng
 329 đến chiến lược ứng phó của họ. Thông qua việc này,
 330 chúng tôi hy vọng có thể đáp ứng câu hỏi nghiên cứu
 331 “Trong đại dịch Covid-19, làm thế nào người lao động
 332 tìm kiếm cơ hội và vượt qua những thách thức?”, đồng
 333 thời thu thập thêm thông tin để bổ sung cho kết quả
 334 của các phân tích định lượng.

335 Áp dụng phương pháp phân tích chủ đề kết hợp với
 336 phân tích tương tự thuật, các chủ đề chính sau đây đã
 337 được tìm ra:

338 ● Chủ đề #1: Tác động của đại dịch đến an ninh việc
 339 làm, thu nhập và sức khỏe tâm thần của người lao
 340 động.

● Chủ đề #2: Sự chênh lệch trong việc tiếp cận và nhận
 341 viện trợ, hỗ trợ và tiêm chủng từ chính phủ. 342

● Chủ đề #3: Vai trò của vốn xã hội và mạng lưới xã
 343 hội đối với chiến lược ứng phó của người lao động
 344 trong bối cảnh đại dịch Covid-19. 345

Tác động của đại dịch đến an ninh việc làm, thu nhập và sức khỏe tinh thần của người lao động

349 Lực lượng lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh đã
 350 bị cuốn vào một cuộc biến động từ đại dịch Covid-19,
 351 khởi đầu từ tháng 1/2020. Các hậu quả của đại dịch đã
 352 gây ảnh hưởng sâu rộng đến cuộc sống hằng ngày của
 353 họ, tạo ra tình trạng không an ninh về việc làm, thu
 354 nhập không ổn định và những vấn đề liên quan đến
 355 sức khỏe tâm thần. Khi chính phủ áp đặt các biện
 356 pháp hạn chế di chuyển để kiểm soát sự lây lan của
 357 vi-rút, các hoạt động di chuyển, xuất nhập khẩu đột
 358 ngột bị tạm dừng, tác động đặc biệt đến cả người lao
 359 động chính thức và không chính thức trong mọi lĩnh
 360 vực nghề nghiệp. Phân tích chi tiết này đi sâu vào trải
 361 nghiệm cá nhân của người lao động, làm nổi bật sự
 362 chênh lệch rõ rệt các tác động khác nhau giữa người
 363 lao động chính thức và không chính thức, cũng như
 364 giữa những người di cư và không di cư trong bối cảnh
 365 ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

366 Cụ thể, những người lao động chính thức, trước đó
 367 có công việc ổn định và thu nhập đáng kể, đột ngột
 368 phải đối mặt với tình trạng không ổn định. Nhiều
 369 người bất ngờ phải đối diện với việc bị sa thải hoặc
 370 giảm lương khi doanh nghiệp phải đối mặt với thách
 371 thức kinh tế không lường trước được.

372 Trường hợp LD_1, một nữ nhân viên văn phòng 31
 373 tuổi kể lại:

374 “Lên công ty được 1-2 tuần gì đó thì báo lay-off luôn.
 375 Báo lay-off cả đám.” (LD_1)

376 Trường hợp khác như LD_03, nam phi công 52 tuổi đã
 377 vẽ nên một bức tranh sống động về thực tế này bằng
 378 những chia sẻ của anh:

379 “Chúng tôi, tổng cộng hai phi công của Vietjet, hai phi
 380 công của Vietnam Airlines, tất cả chúng tôi đều là cơ
 381 trưởng... Và rồi, hai anh chàng của Vietnam Airlines,
 382 nhận được email cùng lúc... Cả hai đều được báo họ
 383 bị nghỉ phép không lương cho đến tháng 12. Và thời
 384 điểm nhận email là tháng 4, đại loại như thế. Như vậy
 385 nghĩa là, kể từ thời điểm đó, họ sẽ không được trả tiền
 386 lương.” (LD_03)

387 Thực tế cho thấy, những tác động của đại dịch đã
 388 vượt ra ngoài phạm vi những người lao động chính
 389 thức. Người lao động phi chính thức cũng phải gánh
 390 chịu thiệt hại nặng nề, đối mặt với việc mất thu nhập
 391 do lượng doanh thu của các công ty đột ngột giảm.

Bảng 5: Thông tin người tham gia phỏng vấn (Nguồn: Nhóm tác giả)

Mục lục	Tuổi	Giới tính	Số năm kinh nghiệm	Vị trí công việc	Loại hình doanh nghiệp
1	31	Nữ	9	Cộng tác viên đối tác lưu trú	Đại lý du lịch trực tuyến
2	39	Nam	20	Tổng Giám đốc	Thực phẩm & nước giải khát
3	43	Nam	5	Phi công	Hãng hàng không
4	31	Nam	9	Hướng dẫn viên du lịch	Nhà điều hành tour du lịch
5	25	Nữ	3	Hướng dẫn viên du lịch	Nhà điều hành tour du lịch
6	35	Nữ	14	Cộng tác viên thị trường	Đại lý du lịch trực tuyến
7	35	Nam	7	Bảo vệ nhà hàng	Nhà hàng
8	65	Nam	30	Người lái xích lô	Người làm nghề tự do
9	67	Nam	32	Người lái xích lô	Người làm nghề tự do
10	67	Nam	40	Người lái xích lô	Người làm nghề tự do
11	78	Nam	53	Nhiếp ảnh gia	Người làm nghề tự do
12	30	Nam	8	Tổng Giám đốc	Đại lý du lịch
13	37	Nam	10	Giảng viên	Trường đại học
14	60	Nam	30	Người lái xích lô	Khu vực công
15	39	Nữ	14	Giám đốc nhân sự	Công ty quản lý điểm đến
16	24	Nữ	1	Phân tích kinh doanh	Nhà cung cấp công nghệ du lịch

392 Những người lao động này, bao gồm cả chủ doanh
 393 nghiệp lẫn những lao động phi chính thức, đã quen
 394 với sự biến động của thu nhập. Tuy nhiên, sự biến
 395 mất đột ngột của khách hàng đã khiến thu nhập của
 396 họ bị ảnh hưởng nặng nề, đẩy những người lao động
 397 này vào một cuộc khủng hoảng không lường trước
 398 được. Chia sẻ của trường hợp LD_07, nam người lao
 399 động phi chính thức 37 tuổi làm nghề đánh giày bán
 400 thời gian và bảo vệ nhà hàng bán thời gian ở đường
 401 Bùi Viện, Quận 1 cho biết:
 402 “Hồi đó hết công việc rồi. Hồi đó nhà hàng nó vắng
 403 thôi nghỉ, rồi anh đi làm thợ hồ đấy.” (LD_07)
 404 Trong một trải nghiệm khác, LD_13, nam giảng viên
 405 đại học 37 tuổi chia sẻ quan sát của mình về sự chuyển
 406 dịch xu hướng việc làm của sinh viên và cựu sinh viên
 407 ngành du lịch:
 408 “Các bạn phần nhiều là do du lịch bị đình trệ, cho nên
 409 là các bạn phải chuyển đổi qua các công việc khác,
 410 phải bỏ du lịch. Và các bạn chuyển đổi qua mà rõ ràng
 411 nhất, mà thấy nhiều nhất, cảm nhận không thôi chứ
 412 chưa có những cái tính toán cụ thể, nhưng mà cảm
 413 thấy là nhiều thì các bạn chuyển qua làm bất động sản,
 414 với lại làm bảo hiểm.” (LD_13)
 415 Việc mất thu nhập do đại dịch Covid-19 đã tác động
 416 sâu sắc đến tâm lý và xã hội đối với người lao động từ

nước ngoài trở về Việt Nam. Sự không chắc chắn và lo
 417 lắng về tương lai của họ, cộng thêm sự căng thẳng của
 418 đại dịch và việc bị kỳ thị, đã làm tăng thêm nỗi bức
 419 xúc. LD_1, nữ nhân viên văn phòng chuyển từ công
 420 ty Malaysia sang công ty Việt Nam, bày tỏ sự bức xúc,
 421 nhấn mạnh sự kỳ thị của xã hội mà cô phải đối mặt
 422 khi quay trở lại cộng đồng của mình, làm tăng thêm
 423 những thách thức vốn đã khó khăn của cô:
 424 “Đáng ra em về ngày đó là ngày 17/3/2020; ngày
 425 18/3/2020, Việt Nam mới bắt đầu thực hiện cách ly
 426 những người ở nước ngoài về, nên em may mắn là
 427 được cách ly ở nhà luôn. Nhưng mà hàng xóm kiểu
 428 kỳ thị á chị, hàng xóm kiểu “nhà này có người ở nước
 429 ngoài về nè, tránh xa ra, sợ lây bệnh đủ kiểu”. Lúc đó
 430 em cũng bị tổn thương, kiểu ngày xưa mình về thì “è
 431 có Việt Kiều về kia”, còn bây giờ kiểu “è có con bệnh
 432 nó về kia”. Thì lúc đó về, cách ly được 10 ngày thì bên
 433 y tế xuống hỏi em đi test. Lúc đó em cầu trời còn 4
 434 ngày nữa, cầu trời đừng có ra dương, lúc đó em cũng
 435 sợ, tới nơi ai cũng ho hết nên em cũng lo.” (LD_01)
 436 Tương tự, trường hợp của LD_2, nam giám đốc F&B
 437 40 tuổi kể lại những trở ngại anh gặp phải khi về Việt
 438 Nam giữa mùa dịch. Anh bày tỏ nỗi lo lắng về việc bị
 439 mắc kẹt ở Mỹ và mất đi công việc ổn định, anh chia
 440

441 sẽ:
442 “Tôi đến sân bay ở Mỹ để lên máy bay vào buổi sáng và
443 họ nói, ‘Đây không phải là giấy tờ phù hợp’... Tôi chắc
444 chắn không muốn bị mắc kẹt ở Mỹ trong thời gian xảy
445 ra dịch Covid-19. Tôi khá chắc chắn rằng mọi chuyện
446 sẽ rất tồi tệ... Rằng tôi sẽ không có việc làm.” (LD_02)
447 Câu chuyện của LD_2 nêu bật nỗi lo lắng và sự không
448 chắc chắn ngày càng tăng của các cá nhân khi họ phải
449 đối mặt với sự phức tạp của quá trình đi lại và cấp thị
450 thực trong bối cảnh đại dịch, đóng cửa biên giới giữa
451 các nước.
452 Giống như LD_2, trường hợp LD_12, nam tổng giám
453 đốc một công ty du lịch 29 tuổi đã phải đối mặt với
454 nhiều thử thách trong nỗ lực quay trở lại Việt Nam.
455 Anh chia sẻ nỗi lo sợ của toàn bộ cộng đồng người
456 Việt đi du lịch cùng chuyến đi với mình, anh cho biết:
457 “Lúc đó không phải mình em sợ, mà cả cộng đồng
458 những người Việt cùng về lúc đó, tụi em đều sợ... Theo
459 kế hoạch hôm đó là em sẽ phải đợi một chuyến xe đi từ
460 hồ Inle về Yangon. Nhưng mà em đã đổi lại là em book
461 một chuyến xe quay ngược về Mandalay, và em bay
462 một chuyến bay nội địa từ Mandalay về Yangon, làm
463 thủ tục về sớm hơn một ngày. Và khi mà boarding,
464 ngồi trong phòng chờ, mọi người vẫn lo lắng là không
465 biết là chuyến bay có bay hay không? Nhưng mà cố
466 gắng nghĩ là chuyến bay sẽ bay.” (LD_12)
467 Những người tham gia đã cung cấp một hình ảnh đầy
468 đủ về những tác động tâm lý và xã hội sâu sắc do mất
469 thu nhập trong bối cảnh đại dịch. Những khó khăn
470 khi trở về Việt Nam đã làm nổi bật sự phức tạp của quá
471 trình kiểm dịch và thị thực, cùng với tổn thất tâm lý
472 do cảm giác không chắc chắn và đối xử phân biệt. Câu
473 chuyện cũng chỉ ra những biến động đáng kể trong bối
474 cảnh việc làm, là minh chứng cho khả năng thích ứng
475 và khả năng phục hồi của lực lượng lao động trong
476 ngành.
477 Sau đại dịch Covid-19, sự chênh lệch giữa lao động
478 chính thức và phi chính thức trở nên rõ ràng hơn.
479 Những người lao động dưới sự bảo trợ của các tập
480 đoàn lớn và ký hợp đồng dài hạn thường nhận được
481 nhiều hỗ trợ hơn so với những người làm việc cho
482 các công ty địa phương hoặc làm công việc không
483 chính thức. Đặc biệt, lao động chính thức thường
484 được hỗ trợ bảo hiểm thất nghiệp, trong khi những
485 người làm công việc không chính thức phải tự đảm
486 bảo cho mình. Có thể điển hình là trường hợp của
487 LD_15, một nữ trưởng phòng nhân sự 39 tuổi, đã chia
488 sẻ kinh nghiệm của mình về việc cắt giảm mạnh mẽ
489 và cách tiếp cận sa thải nhân viên của công ty:
490 “Đóng văn phòng Bắc Kinh xong là bắt đầu mọi người
491 thấy toang. Toang xong rồi bắt đầu là cắt những
492 hướng dẫn viên nào mà không cần thiết đã. Và các
493 hướng dẫn viên không cần thiết cho rồi lại bảo cắt các

494 hướng dẫn viên cần thiết. Tại vì bây giờ là mình có thể
495 gọi họ đi làm part-time... Xong rồi bắt đầu lại là phòng
496 kinh doanh, kinh doanh thì là bạn nào quan trọng
497 nhất thì mình giữ. Rồi dần dần lại đến phòng điều
498 hành nữa. Phòng điều hành xong rồi lại đến người
499 trụ cột của phòng điều hành. Rồi dần dần là hết rồi.
500 Bây giờ chỉ còn kế toán. Bây giờ chúng tôi thì mai
501 sau hòa bình hết dịch Covid thì lại tuyển người sau.
502 Bây giờ phải cắt. Cắt hết. Còn có một người kế toán
503 trường thôi... Mà một năm sau Covid á, thì bắt đầu
504 là cắt cái phòng nhân sự. Cắt theo kiểu gọi là người
505 ta không nói đến số tiền nó là bao nhiêu, mà người
506 ta chỉ nhìn đến con số thôi. Có bao nhiêu người tôi
507 không quan tâm đó là ai, thì đến khi mà cắt cả những
508 bà bầu.” (LD_15)
509 Câu chuyện của LD_15 làm nổi bật thực tế khó khăn
510 mà người lao động, đặc biệt là những người có hợp
511 đồng lao động, phải đối mặt. Phương thức tiếp cận sa
512 thải của công ty tập trung vào số lượng hơn là tính cá
513 nhân, tạo ra những ảnh hưởng lớn đối với cuộc sống
514 của nhiều lao động, đặc biệt là những người không có
515 hợp đồng chính thức. Câu chuyện cũng nhấn mạnh
516 các phúc lợi xã hội và rủi ro đặc biệt đối với phụ nữ
517 mang thai trong thời kỳ đại dịch. Ngoài việc phải đối
518 mặt với nguy cơ lây nhiễm và bảo vệ an toàn cho con
519 cái, họ còn đối diện với nỗi lo lắng về việc giữ vững
520 công việc và thu nhập ổn định trong giai đoạn khó
521 khăn này.
522 Mặt khác, LD_1, một nhân viên văn phòng nữ 31 tuổi
523 làm việc tại một công ty du lịch trực tuyến, đã chia sẻ
524 những trải nghiệm tích cực hơn khi nhận được sự hỗ
525 trợ từ công ty. Cô ấy đặc biệt nhấn mạnh vào các biện
526 pháp hỗ trợ như đãi ngộ dựa trên thâm niên và sự hỗ
527 trợ khi cần tìm kiếm việc làm mới từ phía công ty.
528 “Cho luôn cái laptop, đến bù theo thâm niên, đến bù
529 thêm 40 triệu thời gian để đi kiếm việc. Thâm niên
530 nhiều thì càng nhận được nhiều tiền... Mà mấy bạn
531 cũng biết rồi, tại thời điểm bị lay-off là mấy bạn cũng
532 hết hợp đồng luôn á. Mấy bạn không nhận được email
533 review nên mấy bạn cũng đã hiểu rồi, tại lúc đó mấy
534 bạn cũng đã chuẩn bị sẵn sàng tâm lý, sau đó là lay-off
535 cả bọn, cả bọn đi ăn cơm trưa chung, rồi về tới là dọn
536 đồ đi, lúc đó cũng vui, mua trà sữa uống nữa, tại thời
537 điểm mà tụi em bị lay-off là công ty cũng đã bán đầu
538 đó 50% cổ phần rồi.” (LD_1)
539 Trong bối cảnh dịch Covid-19, mặc dù việc bị sa thải
540 có thể đem lại mất mát về công việc, nhưng cũng có
541 những lợi ích nhất định. Việc đến bù theo thâm niên
542 và thời gian tìm việc được nhắc đến như là một phần
543 của quy trình chấm dứt hợp đồng. Có thể nhận thấy
544 được tâm trạng chủ động của những kiểu nhân viên
545 tương tự LD_1 khi biết tin sắp bị cho nghỉ việc. Họ đã
546 nhận thức tình hình thông qua việc không nhận được

547 thư điện tử của công ty và đã chuẩn bị tâm lý trước.
548 Sự vui mừng được nhấn mạnh qua việc mua trà sữa và
549 vui vẻ sau khi bị cho nghỉ việc, có thể hiểu đây là cách
550 nhìn nhận tích cực và chủ động của nhóm nhân viên,
551 cho thấy tính hài hước và lạc quan trong tình huống
552 khó khăn.
553 Đồng cảm với tình hình khó khăn của doanh nghiệp,
554 trường hợp LD_03, nam phi công 52 tuổi, chia sẻ về
555 việc bị cắt giảm lương, nhấn mạnh tác động tài chính
556 nghiêm trọng của đại dịch đối với cả công ty và nhân
557 viên của họ, và việc cắt giảm lương mạnh mẽ trở thành
558 điều cần thiết để các công ty tồn tại:
559 “Tháng 7/2021-8/2021 lương của tôi bị giảm xuống,
560 không phải 50% mà là 90% hay đại loại như vậy.
561 Công ty bắt buộc phải làm điều này, vì họ không kiếm
562 được tiền, lúc đó mọi hoạt động đều là con số không.”
563 (LD_03)
564 LD_03 nhấn mạnh về tác động nghiêm trọng của đại
565 dịch đối với tình hình tài chính của công ty và nhân
566 viên. Sự cắt giảm lương lớn (90%) được miêu tả
567 như một biện pháp cần thiết để công ty tồn tại trong
568 bối cảnh mọi hoạt động không đạt được lợi nhuận.
569 Nội dung thể hiện một tình hình khó khăn mà nhiều
570 doanh nghiệp đang phải đối mặt do ảnh hưởng của
571 đại dịch Covid-19. Việc chia sẻ con số cụ thể về mức
572 giảm lương (90%) tạo ra ấn tượng mạnh mẽ và rõ ràng
573 về mức độ khó khăn mà nhân viên phải đối mặt. Sự
574 trực tiếp và chân thực trong chia sẻ có thể hiểu được
575 tình trạng cụ thể hơn. Một mặt cho thấy sự khó khăn
576 trong việc kiếm tiền do đại dịch đưa ra câu hỏi về sự
577 bền vững của nhiều doanh nghiệp. Mặt khác, mức
578 giảm lương lớn như vậy ảnh hưởng đến thu nhập và
579 cuộc sống của người lao động. Điều này có thể tạo ra
580 những thách thức lớn trong việc chi trả các chi phí
581 hàng ngày và duy trì một chất lượng cuộc sống ổn
582 định. Nhiều người lao động như LD_03 có vẻ hiểu và
583 chấp nhận tình hình khó khăn mà công ty đang phải
584 đối mặt. Sự lý giải về tình hình “mọi hoạt động đều là
585 con số không” thể hiện sự hiểu biết về lý do của quyết
586 định cắt giảm lương. Chia sẻ của LD_03 thể hiện một
587 góc nhìn thực tế và chân thực về tình hình khó khăn
588 mà nhiều doanh nghiệp và nhân viên đang phải đối
589 mặt trong bối cảnh đại dịch.
590 Những người lao động không chính thức, như LD_5,
591 nữ hướng dẫn viên du lịch 25 tuổi và LD_14, nam tài
592 xế xích lô 60 tuổi làm việc cho Hiệp hội Xích lô, đã
593 chia sẻ kinh nghiệm của họ khi nhận được sự hỗ trợ
594 tối thiểu hoặc không nhận được từ người sử dụng lao
595 động:
596 “Công ty không hỗ trợ, nhân viên nào lên đòi thì mới
597 có lương, còn không thì không có.” (LD_5)
598 “Ồ ngoài, như là ở chợ đồ á, vô phát, nó cho có một
599 trăm à. Một triệu rưỡi cũng không có luôn... người

600 có người không, nói chung ra là như vậy, có nhà
601 có nhà không, nó cho không đều... chỉ có 100.000
602 đồng. Nghe nói cho 1.500.000 đồng mà có thấy đâu.”
603 (LD_14)
604 Lời tâm sự của LD_5 về việc công ty không hỗ trợ và
605 chỉ có lương khi nhân viên yêu cầu cho thấy đây là
606 một tình huống khó khăn và thiếu sự công bằng. Điều
607 này tạo ra một cảm giác không an toàn và không chắc
608 chắn cho nhân viên trong thời kỳ khó khăn. Trong khi
609 đó, chia sẻ của LD_14 về việc nhận được chỉ 100.000
610 VND tại chợ là một thước đo mức độ khó khăn và sự
611 chia rẽ trong cộng đồng lao động. Sự không đều về hỗ
612 trợ cho thấy sự khẩn trương cần thiết để xem xét lại
613 và cải thiện các chính sách hỗ trợ xã hội.
614 Câu chuyện của LD_5 và LD_14 đặt ra sự tương phản
615 rõ rệt giữa hỗ trợ mà lao động chính thức và không
616 chính thức nhận được. Minh chứng là thực tế về sự
617 thiếu hỗ trợ và khó khăn mà những người lao động
618 không chính thức đang phải đối mặt trong bối cảnh
619 đại dịch. Lời kể của LD_5 và LD_14 đặt ra một thách
620 thức cho chính trị và xã hội để tìm ra giải pháp công
621 bằng và hiệu quả. Cần có sự can thiệp từ các cấp quản
622 lý cao hơn để đảm bảo rằng mọi người lao động đều
623 nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong thời kỳ khó khăn
624 như đại dịch. Trong khi người lao động chính thức
625 có ít nhiều sự hỗ trợ từ công ty, người lao động phi
626 chính thức thường phải tự lập và vượt qua khó khăn.
627 Sự chênh lệch này đặt ra vấn đề về sự cần thiết của các
628 hệ thống hỗ trợ toàn diện hơn để phục vụ mọi người
629 lao động, bất kể tình trạng việc làm của họ. Thấu hiểu
630 rằng những khó khăn này sinh trong giai đoạn khẩn
631 cấp, nhưng những bất công và sự khác biệt trong hỗ
632 trợ là thách thức đối với các chính quyền địa phương,
633 nhà quản lý và cộng đồng để cải thiện hệ thống hỗ trợ
634 xã hội và lao động.
635 Tóm lại, đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến
636 cuộc sống và công việc của người lao động tại Thành
637 phố Hồ Chí Minh. Sự chênh lệch giữa lao động chính
638 thức và phi chính thức, cũng như giữa lao động di cư
639 và không di cư, là rõ ràng thông qua những ảnh hưởng
640 của đại dịch. Những người lao động chính thức, trước
641 đây có việc làm ổn định, đột ngột phải đối mặt với tình
642 trạng mất việc, giảm lương và những khó khăn tâm lý.
643 Ngược lại, những người lao động không chính thức và
644 di cư từ nước ngoài cũng gặp phải những khó khăn
645 không kém, từ mất thu nhập đến sự phân biệt đối xử
646 và tâm lý không chắc chắn. Điều này đặt ra những
647 thách thức lớn và cũng mở ra cơ hội để xem xét và cải
648 thiện các chính sách lao động, nhằm đảm bảo quyền
649 lợi và sự bình đẳng cho tất cả người lao động trong
650 thời kỳ khó khăn.

**651 Sự khác biệt trong việc tiếp cận và nhận viện
652 trợ, hỗ trợ và tiêm chủng từ chính phủ**

653 Trước việc đối mặt với những thách thức lớn của đại
654 dịch Covid-19, Chính phủ Việt Nam đã tỏ ra linh hoạt
655 và tích cực trong việc đưa ra các biện pháp nhằm hỗ
656 trợ lực lượng lao động. Nhanh chóng phản ứng trước
657 tình hình khẩn cấp, Chính phủ đã ban hành nhiều
658 Nghị quyết và Chỉ thị, nhấn mạnh vào việc cung cấp
659 hỗ trợ tài chính cho những người bị ảnh hưởng nặng
660 nề bởi đại dịch. Ví dụ, Nghị quyết số 09/2021/NQ-
661 HĐND của Hội đồng nhân dân TP.Hồ Chí Minh³⁵
662 ngày 25/6/2021 đưa ra bộ chính sách hỗ trợ tài chính,
663 và Nghị quyết số 97/NQ-HĐND của Hội đồng nhân
664 dân TP.Hồ Chí Minh³⁶ ngày 22/9/2021 cung cấp sự
665 hỗ trợ cho những người gặp khó khăn do thực hiện
666 biện pháp giãn cách xã hội kéo dài tại Thành phố Hồ
667 Chí Minh, hỗ trợ những người gặp khó khăn do thực
668 hiện biện pháp giãn cách xã hội. Đồng thời, Chính
669 phủ đã ra Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính
670 phủ³⁷ và Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính
671 phủ³⁸ tập trung vào việc tăng cường phòng chống
672 dịch và thực hiện giãn cách xã hội trên phạm vi toàn
673 quốc.

674 Ngoài ra, quan trọng là việc đưa ra các chính sách như
675 Nghị quyết số 116/NQ-CP 2021 của Chính phủ³⁹ và
676 Phương án số 829/PA-BVHTTDL 2022 hướng tới việc
677 bình thường hóa cuộc sống, giải quyết vấn đề lao động
678 thiếu hụt và đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục.
679 Một sáng kiến quan trọng là hỗ trợ tài chính từ Quỹ
680 Bảo hiểm Thất nghiệp cho người lao động chính thức,
681 như quy định tại Nghị quyết số 116/NQ-CP 2021 của
682 Chính phủ³⁹ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của
683 Chính phủ⁴⁰, đóng vai trò như một mạng lưới phúc
684 lợi xã hội an toàn.

685 Kinh nghiệm chia sẻ của LD_04, một hướng dẫn viên
686 du lịch, là minh chứng cho sự đổi mới của các biện
687 pháp hỗ trợ, đặc biệt là với những người lao động
688 chính thức.

689 “Tổ trưởng tổ dân phố thông báo... Quy trình nhanh.
690 Họ bắt đúng ngày hôm đó phải có mặt. Mẹ em nói
691 đúng ngày hôm đó là phải về nha, nhận luôn một lần
692 đi, tại người ta đóng sổ luôn... Nói chung là cứ đến
693 ngày thì tổ dân phố báo ra phát, vậy thôi. Tính ra em
694 được nhận nhiều, tại vì hồi tháng 5/2021, em bị tình
695 nghi vô F2, nên phải ở nhà. Hồi đó em nhận được tiền
696 hỗ trợ cho F2 đó. Cách ly tại nhà, tại không có công
697 việc. Xong rồi nhận được 1 triệu của tổ dân phố kêu
698 sau này nữa, với tiền hướng dẫn viên nữa. Nhận tiền
699 qua tài khoản. Giấy tờ cũng dễ, tại em hỏi người đi
700 trước nên giấy tờ cũng không phức tạp rồi gửi hồ sơ
701 ở Khánh Hòa.” (LD_04)

702 Câu chuyện này phản ánh tính hiệu quả của các biện
703 pháp của chính phủ đối với người lao động chính

thức. Thông tin về việc tổ trưởng tổ dân phố thông
báo và quy trình nhanh chóng cho thấy sự hỗ trợ của
cộng đồng địa phương. Điều này có thể là một ví dụ
tích cực về cách cộng đồng đang hỗ trợ lẫn nhau trong
thời kỳ khó khăn. Việc đề cập đến việc bị tình nghi
là F2 và phải ở nhà trong tháng 5/2021 thể hiện rằng
tình hình sức khỏe và tác động của đại dịch đang có
ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của người lao
động, đặc biệt là trong việc duy trì công việc và thu
nhập. Việc mô tả về việc đóng sổ và quy trình nhận
hỗ trợ cũng là một phần quan trọng, vì nó giúp hiểu
rõ hơn về cách hệ thống quản lý và cung cấp hỗ trợ
đang hoạt động. Thông tin chia sẻ của LD_04 không
chỉ mô tả việc nhận hỗ trợ mà còn thể hiện sự nhận
thức và đánh giá tích cực về mức độ hỗ trợ mà anh
ấy đã nhận được. Điều này có thể nhận thấy được giá
trị của hỗ trợ trong bối cảnh khó khăn. Có thể xem
đây là một minh chứng tích cực về cách cộng đồng
và hệ thống hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong việc
giúp đỡ người lao động trong thời kỳ khó khăn như
đại dịch Covid-19.

725 Ngoài ra, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg⁴⁰ Chính
726 phủ đã mở rộng hỗ trợ tài chính cho hướng dẫn viên
727 du lịch, ghi nhận hoàn cảnh khó khăn của họ trong
728 bối cảnh đại dịch. Nhận thấy rằng đại dịch khiến
729 nhiều hướng dẫn viên du lịch thất nghiệp hoặc thiếu
730 việc làm, Chính phủ đã nỗ lực đưa các hướng dẫn viên
731 du lịch tự do vào diện cần đến các biện pháp hỗ trợ.
732 LD_04 chia sẻ kinh nghiệm điều chỉnh chính sách:
733 “Lúc đầu Sở Du Lịch yêu cầu phải có hợp đồng với
734 công ty, nhưng sau này nó đơn giản hóa lại. Chỉ cần
735 tham gia cái hội hướng dẫn viên, đóng phí 300.000 để
736 lấy chứng nhận là thành viên của hội, cùng với thẻ của
737 em nộp lên Sở Du Lịch là em nhận. ... Còn hướng dẫn
738 viên kí hợp đồng thì không cần, một trong hai điều
739 kiện thôi. Lúc đầu nó không vậy, lúc đó còn làm công
740 ty nào nữa đâu mà đòi có hợp đồng. ...Kiểu như em
741 tính là hướng dẫn viên tự do rồi đó.” (LD_04)

742 Sự điều chỉnh này thể hiện nỗ lực có ý thức, mặc dù
743 bị trì hoãn, nhằm giải quyết những điểm dễ bị tổn
744 thương của người lao động phi chính thức trong lĩnh
745 vực du lịch.
746 Tuy nhiên, bất chấp những nỗ lực đáng khen ngợi này,
747 thông qua chia sẻ của người tham gia cho thấy, vẫn
748 còn những khác biệt và bất bình đẳng nhất định trong
749 khả năng tiếp cận viện trợ, hỗ trợ và tiêm chủng, đặc
750 biệt là giữa người lao động chính thức và phi chính
751 thức. LD_1, nữ nhân viên văn phòng 31 tuổi, nhấn
752 mạnh thời gian chờ đợi kéo dài để nhận được khoản
753 hỗ trợ tài chính như cam kết:

754 “Đợi lâu lắm chị, đợt đó nghe cái vụ nhận 1,5
755 triệu/người, lúc đó cũng argue rất là nhiều là 1,5 triệu
756 này là 1 nhà, hay là trên đầu người. Nhiều người như

757 vậy thì ra nhận cái nhiễm bệnh hết rồi sao, không
758 ai dám đi ra, nhưng rồi sau này cũng được lãnh 1,5
759 triệu/người. Rồi công ty mẹ em họ cũng hỗ trợ 1,5
760 triệu nữa.” (LD_1)

761 Chia sẻ này không chỉ nhấn mạnh sự chậm trễ trong
762 việc phân phối viện trợ mà còn nhấn mạnh sự không
763 nhất quán về số lượng viện trợ tài chính nhận được.

764 Trải nghiệm của những người lao động phi chính
765 thức, như LD_07, nam người lao động phi chính thức
766 37 tuổi, và LD_09, nam lái xích lô 65 tuổi, nêu bật
767 quan điểm phân biệt về các chính sách của chính phủ.
768 Việc thiếu các hướng dẫn chi tiết về khả năng tiếp cận
769 viện trợ cho người lao động phi chính thức đã làm
770 tăng thêm tính dễ bị tổn thương của họ. LD_07 bày
771 tỏ:
772 “Không, không có hỗ trợ gì hết. Tôi về quê không có
773 hỗ trợ gì.” (LD_07)

774 LD_09 kể rằng anh chỉ nhận được một lần trong số ba
775 khoản viện trợ:
776 “Trong cái thời gian đó không biết người ta sao nhưng
777 mà chú trong ba đợt mà phát tiền Covid. Trong ba
778 đợt chú chỉ lãnh được có một đợt thôi, người ta ba
779 đợt mỗi đợt 1.500.000, người ta lãnh là 4.500.000 mà
780 chú duy nhất được một đợt mà có 1.000.000, duy nhất
781 1.000.000.”

782 Về tiếp cận tiêm chủng, dữ liệu từ phỏng vấn sâu cho
783 thấy sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận vắc-xin trong
784 đại dịch Covid-19. Tâm sự từ người tham gia phỏng
785 vấn cho thấy chặng đường tiêm chủng được ví như
786 một “hành trình xin xỏ” hoặc “đi qua cửa sau”. Việc
787 tiếp cận vắc-xin được phát hiện không chỉ dựa trên
788 chính sách ưu tiên của chính phủ, mà còn dựa trên
789 mối quan hệ cá nhân, và nguồn lực tài chính. Sự
790 phân biệt đối xử này nêu bật những bất bình đẳng xã
791 hội hiện hữu và đặt an ninh sức khỏe như một mặt
792 hàng chỉ dành cho những người có mối quan hệ hoặc
793 nguồn lực. Các chia sẻ từ LD_06, LD_15 và LD_12 đã
794 chứng minh điều này:
795 “Chị tiêm vắc-xin là một cuộc hành trình đi xin. Tại vì
796 á tiêm vắc-xin, thì nhà chị đúng không? Xong rồi có
797 người cũng bị lạm dụng á, họ có quyền, họ giữ phiếu
798 lại, họ bán.” (LD_06)

799 “Tiêm mũi đầu á, là tụi chị đi cửa sau. Ủ. Có một anh,
800 anh ấy quen một cái chung cư. Thế xong rồi tụi chị
801 phải lừa làm sao đó, để đến được cái chung cư đó để
802 được chích... Chung cư là một nơi mà một người bị là
803 cả cái chung cư đó lockdown. Thì chung cư là những
804 nơi mà người ta sẽ được chích. Thì mình sẽ móc nối,
805 đó là mình đến mình chích.” (LD_15)

806 “À trước đó là em tiêm qua dạng dịch vụ. Công ty em
807 là ban đầu khi mà khởi điểm là công ty em là đăng ký
808 dịch vụ cho nhân viên. Nhưng mà khi mới vừa tiêm
809 được mũi đầu tiên, thì mũi thứ hai là do vấn đề về vắc-

xin phân phối vắc-xin và này kia. Và sau này nó còn 810
liên quan nhiều thứ nữa và cái mũi thứ hai đáng lẽ là 811
sẽ được tiêm, nhưng mà tụi em sẽ không được tiêm 812
nên bên công ty dịch vụ nó cũng tiền trả lại cho em.” 813
(LD_12) 814

Những câu chuyện này nhấn mạnh những thách thức 815
nhiều mặt mà người lao động phi chính thức phải đối 816
mặt và sự bất bình đẳng trong phân phối viện trợ. 817

Một điểm đặc biệt quan sát được, nổi lên từ các câu 818
chuyện, là sự thiếu nhận thức của hầu hết người tham 819
gia về tầm quan trọng của bảo hiểm xã hội và phúc 820
lợi xã hội, dẫn đến việc họ không tham gia bảo hiểm 821
xã hội. Ngược lại, sự thiếu tham gia này đã dẫn đến 822
khoảng cách trong hỗ trợ cho người lao động phi 823
chính thức vì hầu hết các chính sách của Chính phủ 824
đều được thiết kế để hỗ trợ những người có bảo hiểm 825
xã hội. Chẳng hạn, LD_04 chia sẻ thái độ coi thường 826
bảo hiểm: 827

“Tại mình kiếm được tiền mà, mình vô bảo hiểm 828
mình uống được thuốc hơn thôi. Nói đúng ra bác sĩ 829
nó cũng nói luôn, đóng bảo hiểm làm gì, thà vô bệnh 830
viện tự mua thuốc uống đi, uống mấy cái đó không 831
bao giờ hết. Nó nói vậy mình hiểu rồi đúng không, 832
nên mình cũng mong chờ gì.” (LD_4) 833

Cuối cùng, xét đến đặc điểm dân cư di động cao tại 834
Thành phố Hồ Chí Minh, với tỷ lệ nhập cư 18,3% và tỷ 835
lệ di cư 3,1% GSO⁴¹, một phần lớn người dân thường 836
di chuyển từ nơi này sang nơi khác mà không đăng ký 837
địa chỉ tạm trú với cơ quan công an, gây khó khăn cho 838
việc thống kê và phân phối viện trợ. Những cá nhân 839
không có địa chỉ tạm trú được đăng ký, thường bị loại 840
khỏi danh sách người nhận viện trợ. Vấn đề này càng 841
trở nên trầm trọng hơn do các biện pháp phong tỏa 842
được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh, vì quá 843
trình đăng ký địa chỉ tạm trú phải được thực hiện tại 844
các cơ quan công an cấp phường. Không biết thông 845
tin liên hệ của cảnh sát khu vực hoặc không thể đăng 846
ký tạm trú trực tuyến, nhiều người đã rơi vào tình 847
trạng khó khăn để tiếp cận với sự hỗ trợ. 848

LD_07 chia sẻ kinh nghiệm về quê trong thời gian 849
giãn cách xã hội: 850

“Không em, ở quê không có nhận được hỗ trợ của 851
Chính phủ, vì mình về quê mà, nhưng mà chỗ thuê 852
trợ, bà chủ trợ bà giảm.” (LD_07) 853

Tương tự, LD_12, cũng không nhận được bất kỳ sự 854
hỗ trợ hay giảm giá thuê nào: 855

“Mặc dù nói thật là đến bây giờ, sau dịch tiền nhà em 856
thì vẫn không giảm được đồng nào, và cũng không có 857
nhận được hỗ trợ gì từ nhà nước, từ địa phương cả.” 858
(LD_12) 859

Sự khác biệt về chính sách giữa các thành phố bị 860
phong tỏa như Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh 861
khác càng làm tăng thêm những thách thức mà người 862

863 lao động phi chính thức và người lao động di cư phải
864 đối mặt. Những người từ Thành phố Hồ Chí Minh
865 chuyển về quê thường không đủ điều kiện nhận bất
866 kỳ sự hỗ trợ viện trợ nào từ quê hương, khiến họ rơi
867 vào hoàn cảnh bấp bênh.

868 Tổng kết lại, mặc dù nỗ lực của Chính phủ để hỗ trợ
869 lực lượng lao động trong thời kỳ đại dịch được đánh
870 giá cao, nhưng các chia sẻ từ người tham gia đã làm
871 nổi bật sự chênh lệch đáng kể trong cách Chính phủ
872 tiếp cận viện trợ, hỗ trợ và tiêm chủng giữa người
873 lao động chính thức và phi chính thức trong ngành
874 du lịch của Việt Nam. Kinh nghiệm được chia sẻ bởi
875 những người tham gia đã nhấn mạnh sự cần thiết của
876 can thiệp chính sách để giải quyết những bất bình
877 đẳng và khác biệt cơ bản này. Điều này làm nổi bật
878 tầm quan trọng của việc phải phân phối nguồn lực và
879 hỗ trợ một cách công bằng, không phụ thuộc vào tình
880 trạng việc làm hoặc lĩnh vực nghề nghiệp.

881 Cách tiếp cận xã hội học trong nghiên cứu tương thuật
882 này mang lại cái nhìn quan trọng để hiểu và giải quyết
883 sự chênh lệch xã hội do đại dịch Covid-19 gây ra.
884 Những phát hiện này làm nổi bật tầm quan trọng của
885 việc đối mặt với những thách thức đặc biệt mà người
886 lao động phi chính thức, những người di cư và những
887 người không có bảo hiểm xã hội phải đối mặt trong
888 quá trình định hình chính sách trong tương lai, nhằm
889 đảm bảo rằng không ai bị bỏ lại phía sau trong thời kỳ
890 khủng hoảng.

891 **Vai trò của vốn xã hội và mạng lưới xã hội**
892 **trong chiến lược ứng phó của người lao động**
893 **du lịch trong bối cảnh đại dịch Covid-19**

894 Sự phân phối không đồng đều của sự hỗ trợ từ Chính
895 phủ đã buộc các cá nhân từ đa dạng tầng lớp xã hội
896 phải đề xuất những chiến lược cá nhân để đối mặt
897 với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh
898 không chắc chắn của đại dịch, mạng lưới và quan hệ
899 xã hội trở nên quan trọng đối với người lao động trong
900 nhiều lĩnh vực, không chỉ trong ngành du lịch. Những
901 liên kết này đóng vai trò quyết định khi người lao động
902 phải quyết định ở lại trung tâm đô thị, đợi đến khi
903 ngành công nghiệp hồi phục, hoặc chọn một hướng
904 nghề nghiệp mới. Các phỏng vấn cho thấy mối liên
905 kết xã hội không chỉ tạo ra cơ hội thay thế về việc làm
906 và trao đổi thông tin mà còn mang lại sự hỗ trợ tinh
907 thần quan trọng để thích nghi với thay đổi hoàn cảnh.
908 Trong thời kỳ đại dịch, việc đảm bảo nguồn cung cấp
909 thiết yếu đã trở thành thách thức lớn, đặc biệt là với
910 các hạn chế như lệnh phong tỏa. Giá trị của vốn xã
911 hội, xây dựng dựa trên sự tin tưởng trong cộng đồng,
912 đã trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết trong những thời
913 điểm khó khăn như vậy. Trong các thành phố lớn như

Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù xã hội thường ít có
914 sự gắn kết trong các tình huống thông thường, nhưng
915 bối cảnh của đại dịch và khó khăn do nó gây ra không
916 ngờ đã trở thành một bàn tay vô hình gắn kết mọi
917 người trong cộng đồng, đặc biệt là việc xây dựng và
918 kết nối với hàng xóm. LD_1, nữ nhân viên văn phòng
919 31 tuổi, chia sẻ trải nghiệm cá nhân của mình:

920 “Đợt đó là em với lại hàng xóm, bà thì bà thềm thịn
921 tươi, hải sản tươi, em mới nói với bà là kiếm đầu ra
922 hải sản tươi. Rồi bà cũng kiếm đầu ra một ông shipper
923 bên Quận 8, ông chịu chạy chui, chạy chui từ mấy cái
924 lỗ mố á, thế là cũng ship được mấy ký thịt á. Đợt đó
925 hàng xóm rất là quan trọng luôn á chị”. (LD_01) .

926 Chia sẻ trên nêu bật cách những người hàng xóm, như
927 một phần của mạng xã hội địa phương, có thể hỗ trợ
928 lẫn nhau trong việc đảm bảo hàng tạp hóa và các nhu
929 yếu phẩm khác. Trường hợp LD_12 cũng đã có những
930 chia sẻ tương tự LD_01 về vai trò của hàng xóm, cho
931 thấy sự gắn kết xã hội chặt chẽ trong mối quan hệ với
932 hàng xóm giữa lúc đại dịch khó khăn:

933 “Thí dụ như là có một hôm trong group nhà, thì có
934 khoảng 60 căn thôi. Ví dụ có một nhà có người thân
935 gửi từ miền Trung vô, thì là nhà đó sẽ đặt luôn 60
936 phần. Và ngày hôm khác nhà kia mua được rau thì
937 nhà đó cũng mua 60 phần và mọi người cứ như vậy,
938 rồi giống như là em mua được trứng thì em mua 60
939 vỉ, và em để cho cả chung cư mỗi nhà một miếng như
940 vậy á. Lúc đó là thấy là tinh thần đoàn kết của chung
941 cư rất là cao.” (LD_12)

942 LD_02 còn nhấn mạnh vai trò của bạn thân trong việc
943 giúp đỡ trong những thời điểm khó khăn:

944 “Bạn bè của tôi, mang cho tôi một lượng thức ăn nhiều
945 đến mức vô lý, cô ấy mang cho tôi nhiều kilogam thịt
946 gà và một bao gạo mười kilo nữa... Tôi nói, nếu tôi
947 dùng hết số gạo này thì chúng ta đang ở trong tình
948 trạng rất tối tệ. Cô ấy đã mang cho tôi rất nhiều thứ,
949 tủ lạnh và tủ đông của tôi bắt đầu đầy ắp.” (LD_02)

950 Ngoài ra, trong thời kỳ giãn cách xã hội, vốn xã hội
951 và quan hệ xã hội trở thành nguồn hỗ trợ tinh thần
952 quan trọng. Quan hệ xã hội, nhất là mối quan hệ với
953 những người hàng xóm, có thể thúc đẩy cảm giác thân
954 thuộc và đồng cảm, mang lại sự hỗ trợ về mặt tinh
955 thần và chống lại sự cô đơn trong dịch bệnh. LD_15,
956 nữ trưởng phòng nhân sự 39 tuổi, chia sẻ kinh nghiệm
957 của mình:

958 “Chị về chung cư chị ở, còn hồi trước là ở nhà vậy
959 đó, ừ thì bà con hàng xóm rồi mình có giúp vui nữa,
960 vui chết luôn á. Bốn nhà là chơi chung... Nhà nào
961 mà có Covid thì đồng nghĩa là tự động là bị hốt đi á.
962 Có nghĩa là như sống trong nhà, gồm bốn phòng ngủ,
963 đơn giản thế thôi. ...Mỗi người một công một việc á,
964 thì đó nên là kết hợp, hợp lại ngày nào cũng chơi từ
965 sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, có nghĩa là chỉ ở với
966

967 nhau thôi, đến khi mà nghe một người mà bị Covid là
968 cả ba nhà im lìm hết. Về ở nhà tự cách ly.” (LD_15)
969 Vốn xã hội cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho người
970 lao động tìm kiếm việc làm trong giai đoạn đại dịch,
971 LD_1 chia sẻ:
972 “Sau khi em nghỉ chưa bao lâu, em làm ở đó có ba
973 tháng thôi, em bị ám ảnh quá, kiểu như là căng thẳng
974 quá chị, công ty tùm lum tà la hết, nên em nghỉ, thì
975 lúc đó là D (Giám đốc phụ trách điều hành ở công ty
976 cũ) kêu em qua Tiktok. D lúc đó qua Tiktok rồi, thì
977 D có offer em qua làm team lead của team Malaysia
978 nhưng mà Malaysia từ chối, vì lúc đó chưa có mở cửa
979 để qua bên, nên không chịu, nên là offer em qua đây.”
980 (LD_1)
981 Giống như trường hợp LD_01, chia sẻ của LD_07
982 cũng cho thấy cách các mạng lưới xã hội giúp kết nối
983 các cá nhân với cơ hội việc làm và tạo điều kiện thuận
984 lợi cho sự thăng tiến nghề nghiệp:
985 “Buồn lắm em, hồi đó sau dịch ấy, người ta gọi điện
986 thoại, bà chủ ấy gọi điện thoại nói vào lại trả lương
987 cho. Rồi anh vào, bà trả, làm được ngày nào thì bà
988 trả ngày ấy... Mọi người làm ở nhà hàng đều là người
989 Thanh Hóa hết, mà bà chủ ở thành phố còn mình ở
990 nhà quê. Bà ấy giàu lắm.” (LD_07)
991 Cuối cùng, mạng xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi cho
992 việc giải quyết vấn đề tập thể trong thời kỳ đại dịch.
993 Cộng đồng địa phương và mạng lưới khu vực lân cận
994 có thể hợp tác để giải quyết các mối quan tâm chung
995 và tìm ra giải pháp sáng tạo cho những thách thức cụ
996 thể của cộng đồng. LD_12, tổng giám đốc 29 tuổi,
997 chia sẻ kinh nghiệm:
998 “Lúc đó là Zalo phát triển thêm một cái phần mềm
999 nữa gọi là cầu cứu, khi mà em lên đó thì em thấy đa
1000 số là cầu cứu của nhiều bạn, thứ nhất là những bạn
1001 sinh viên bị mắc kẹt lại, thứ hai là những của những
1002 bà mẹ đi làm mà nói chung là thu nhập cũng không có
1003 ai ổn định hết, và thứ ba là những ở những cái gọi là
1004 những dãy nhà trọ của những công nhân. Thì cái khu
1005 của em, ở phía dưới một con đường có một cái khu
1006 nhà dãy trọ dành cho công nhân rất là nhiều. Và họ
1007 kêu gọi rất là nhiều. Nhưng mà lúc dịch thì em sẽ ưu
1008 tiên luôn luôn bật app lên, tại vì xung quanh nhà em
1009 ở thì được cái là gần siêu thị, và phía dưới nhà, trong
1010 cái block nhà luôn cũng có VinMart. Thành ra là em
1011 có thể mua được đồ ăn, nhiều thứ, và em sẽ ưu tiên
1012 thứ nhất là cho bà mẹ mà yêu cầu, có nghĩa là họ sẽ
1013 gọi yêu cầu lên đó.” (LD_12)
1014 Tóm lại, những người tham gia đã cung cấp bằng
1015 chứng rõ ràng về vai trò quan trọng của vốn xã hội và
1016 mạng xã hội trong việc giúp cá nhân vượt qua những
1017 thách thức đa dạng mà đại dịch Covid-19 mang lại.
1018 Các mạng lưới này, xây dựng trên cơ sở của sự tin
1019 tưởng, giao lưu và hỗ trợ tương hỗ, đã tạo điều kiện

cho tiếp cận các nguồn cung cấp cần thiết, góp phần 1020
chia sẻ thông tin chính xác, hỗ trợ tinh thần, mở ra cơ 1021
hội việc làm và khuyến khích khả năng giải quyết vấn 1022
đề theo cách tập thể. 1023

THẢO LUẬN 1024

Nghiên cứu này cũng còn có một số hạn chế cần được 1025
thừa nhận. Trước hết, đó là dung lượng mẫu 350 1026
người lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, 1027
những kết quả thu được có thể không đại diện hoàn 1028
toàn cho toàn bộ lực lượng lao động ở Việt Nam. 1029
Thứ hai, nghiên cứu không thể bắt kịp đầy đủ các trải 1030
nghiệm và thách thức mà lực lượng lao động phải đối 1031
mặt trong giai đoạn cực kỳ khó khăn của đại dịch 1032
Covid-19. Cuộc phỏng vấn được tiến hành sau khi 1033
đợt phong tỏa đã kết thúc, có thể dẫn đến sai số do 1034
người tham gia có thể đã quên đi những trải nghiệm 1035
cụ thể mà họ trải qua trong những thời điểm ảnh 1036
hưởng nặng nề nhất của đại dịch. 1037

Với những hạn chế này, nghiên cứu tương lai có thể 1038
tận dụng một số cơ hội để cải thiện. Thứ nhất, việc 1039
thực hiện nghiên cứu với quy mô mẫu lớn hơn và đa 1040
dạng hóa đối tượng nghiên cứu từ nhiều lĩnh vực sẽ 1041
mang lại cái nhìn toàn diện hơn về tác động của đại 1042
dịch. Nghiên cứu trong tương lai cũng có thể chi tiết 1043
hóa hơn về trải nghiệm cụ thể của các ngành nghề 1044
khác nhau, chẳng hạn ngành dịch vụ và sản xuất, để 1045
hiểu rõ hơn về kinh nghiệm và chiến lược ứng phó của 1046
những người mất việc hoặc chuyển sang ngành nghề 1047
khác do đại dịch. 1048

Vi tầm quan trọng của vốn xã hội và mạng lưới trong 1049
chiến lược ứng phó, nghiên cứu cũng nên tập trung 1050
sâu hơn vào lĩnh vực này. Việc khám phá vai trò của 1051
vốn xã hội trong quá trình phục hồi và xác định cách 1052
sử dụng hiệu quả vốn xã hội để hỗ trợ người lao động 1053
trong thời kỳ hậu đại dịch sẽ mang lại những thông 1054
tin quan trọng. 1055

Cuối cùng, nghiên cứu trong tương lai nên tập trung 1056
vào đánh giá các can thiệp chính sách và hiệu quả của 1057
chúng trong việc hỗ trợ lực lượng lao động trong thời 1058
kỳ đại dịch. Bằng cách xem xét tác động của các chính 1059
sách khác nhau, có thể thu được những hiểu biết có 1060
giá trị để cung cấp thông tin cho việc phát triển các 1061
chính sách toàn diện và công bằng cho tương lai. 1062

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 1063

Tổng kết lại, đại dịch Covid-19 đã gây ra biến động 1064
sâu sắc trong cơ cấu lực lượng lao động ở Việt Nam, 1065
tạo ra sự không ổn định trong việc làm, thu nhập và 1066
đối mặt với những thách thức về sức khỏe tinh thần. 1067
Nghiên cứu này làm rõ sự chênh lệch trong cách tiếp 1068
cận và giải quyết tác động của đại dịch giữa các nhóm 1069

1070 lao động, bao gồm lao động chính thức, lao động phi
 1071 chính thức và lao động nhập cư.
 1072 Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tình trạng di cư và hôn
 1073 nhân đặc biệt ảnh hưởng đến hiệu quả của các chiến
 1074 lược ứng phó. Việc tiếp cận được nhiều nguồn hỗ trợ
 1075 hơn có thể nâng cao các chiến lược ứng phó. Người
 1076 lao động không có khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ
 1077 thường phát triển nhiều chiến lược ứng phó hơn so
 1078 với những người có quyền tiếp cận. Ngoài ra, những
 1079 người không tiếp cận được hỗ trợ từ các nguồn chính
 1080 thức, thường phát triển các chiến lược ứng phó thông
 1081 qua các mạng lưới xã hội phi chính thức như gia đình,
 1082 bạn bè. Điều này cho thấy tầm quan trọng của chính
 1083 sách hỗ trợ trong việc hỗ trợ người lao động đối với
 1084 những nhóm lao động có mạng lưới xã hội nhỏ, đặc
 1085 biệt là các nhóm lao động nhập cư.
 1086 Vốn xã hội và mạng lưới xã hội đã đóng vai trò quan
 1087 trọng trong việc ứng phó với đại dịch, cung cấp điều
 1088 kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn cung cấp thiết
 1089 yếu, hỗ trợ tinh thần, cơ hội việc làm và giải quyết vấn
 1090 đề tập thể. Những phát hiện này củng cố lý thuyết về
 1091 vốn xã hội và lý thuyết hỗ trợ xã hội, cho rằng mạng
 1092 lưới xã hội là một nguồn tài nguyên quý giá trong thời
 1093 kỳ khó khăn, nhấn mạnh cách thức cộng đồng tập thể
 1094 ứng phó với các yếu tố căng thẳng thông qua việc trợ
 1095 giúp từ mạng lưới xã hội của họ.
 1096 Dựa trên những kết quả trên, nghiên cứu đưa ra một
 1097 số kiến nghị, bao gồm thiết kế chính sách phù hợp với
 1098 từng nhóm nhân khẩu xã hội; tiếp cận cân bằng trong
 1099 việc cung cấp hỗ trợ; tạo ra khuôn khổ chính sách để
 1100 tiếp cận và toàn diện hơn; khai thác, sử dụng vốn xã
 1101 hội và mạng lưới xã hội để tăng cường khả năng phục
 1102 hồi của người lao động; xây dựng các chính sách đảm
 1103 bảo khả năng tiếp cận công bằng với sự hỗ trợ từ chính
 1104 phủ cho cả người lao động chính thức và phi chính
 1105 thức, và nâng cao nhận thức về bảo hiểm xã hội cũng
 1106 như phúc lợi của người lao động.
 1107 Tóm lại, nghiên cứu này cung cấp thông tin quan
 1108 trọng về ảnh hưởng của Covid-19 đối với lực lượng
 1109 lao động ở Việt Nam và các chiến lược ứng phó có thể
 1110 hỗ trợ nhà quy hoạch chính sách trong tương lai.

1111 LỜI CẢM ƠN

1112 Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa
 1113 học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM, trong khuôn
 1114 khổ đề tài loại B của Đại học Quốc gia Tp HCM mã
 1115 số B2022-18b/HD-KHCN với nội dung "Ứng phó và
 1116 phục hồi kinh tế xã hội theo hướng phát triển bền
 1117 vững tại các thành phố lớn Việt Nam trong bối cảnh
 1118 đại dịch Covid-19 - Điển cứu Thành phố Hồ Chí
 1119 Minh, Cần Thơ và Đà Nẵng" do PGS.TS. Nguyễn Thị
 1120 Hồng Xoan làm chủ nhiệm.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐH KHXH&NV: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân
 1122 văn
 1123 ĐHQG-HCM: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí
 1124 Minh
 1125 WHO: Tổ chức Y tế Thế giới
 1126 GSO: Tổng Cục thống kê
 1127 LD: Mã số người trả lời phỏng vấn sâu
 1128

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích. 1130

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

- Tác giả Phạm Thị Thùy Trang: viết nội dung định
 1132 lượng, thảo luận và duyệt bản thảo. 1133
 - Tác giả Nguyễn Thủy Nguyên: xử lý thông tin định
 1134 lượng và định tính, thảo luận. 1135

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Do TT, Phạm VH. Influence of the Covid-19 Pandemic on Reducing the Income of Workers. Corporate Governance and Organizational Behavior Review. 2023; Available from: <https://doi.org/10.22495/cgobrv7i2p12>. 1137-1140
2. Hanh PT, Nguyen NT, Quy NT, Linh VT. The Impact of Covid-19 Pandemic on Vietnamese Enterprises. Eur J Dev Stud. 2022; Available from: <https://doi.org/10.24018/ejdevelop.2022.2.3.101>. 1141-1144
3. Trinh NT. Impact of the Covid-19 on the Labor Market in Vietnam. Int J Health Sci. 2022; Available from: <https://doi.org/10.53730/ijhs.v6nS1.6973>. 1145-1147
4. Quy NT, Dung NT. Vietnamese Labor Market Situation After the Covid-19 Pandemic. Eur J Dev Stud. 2023; Available from: <https://doi.org/10.24018/ejdevelop.2023.3.3.255>. 1148-1150
5. Dang HH, Nguyen CV. Did a Successful Fight Against the Covid-19 Pandemic Come at a Cost? Impacts of the Outbreak on Employment Outcomes in Vietnam. SSRN Electron J. 2020; Available from: <https://doi.org/10.2139/ssrn.3751851>. 1151-1154
6. Nguyen Van H, Nam LH, Giang PM, Hoan TN, Thang DV. The Impact of the Covid-19 Pandemic on the Labor Market in Vietnam. Int J Innov Manag Technol. 2022;. 1155-1157
7. Nguyen HTT, Nguyen TT, Dam VAT, Nguyen LH, Vu GT, Nguyen HLT, et al. Covid-19 Employment Crisis in Vietnam: Global Issue, National Solutions. Front Public Health. 2020;8:590074; PMID: 33344400. Available from: <https://doi.org/10.3389/fpubh.2020.590074>. 1158-1162
8. General Statistics Office (GSO). Report on Impact of Covid-19 Pandemic on Labour and Employment of the Second Quarter. GSO Publishing; 2021;. 1163-1165
9. Huynh DV, Truong TTK, Duong LH, Nguyen NT, Dao GVH, Dao CN. The Covid-19 Pandemic and Its Impacts on Tourism Business in a Developing City: Insight from Vietnam. Economies. 2021;9:172; Available from: <https://doi.org/10.3390/economies9040172>. 1166-1170
10. Vietnam National Administration of Tourism (VNAT). Thứ trưởng Đoàn Văn Việt: Phục hồi du lịch là vấn đề cấp thiết trong bối cảnh bình thường mới hiện nay. VNAT Publishing; 2021;. 1171-1174
11. Dinh L, Dinh PV, Nguyen P, Nguyen DH, Hoang TC. Vietnam's Response to COVID-19: Prompt and Proactive Actions. J Travel Med. 2020; PMID: 32297929. Available from: <https://doi.org/10.1093/jtm/taaa047>. 1175-1178
12. Hartley K, Bales S, Bali AS. Covid-19 Response in A Unitary State: Emerging Lessons from Vietnam. Policy Des Pract. 2021;4:152-68; Available from: <https://doi.org/10.1080/25741292.2021.1877923>. 1179-1181

- 1183 13. Anh NT, Hoa DT. Vietnam Economic Outlook During the
1184 COVID-19 Pandemic: A Review. *World J Adv Res Rev.* 2021;
1185 14. Huynh TL. The Covid-19 Containment in Vietnam: What Are
1186 We Doing? *J Glob Health.* 2020;10;PMID: 32373318. Available
1187 from: <https://doi.org/10.7189/jogh.10.010338>.
- 1188 15. Nguyen L, Bui M. Social Protection Response to Covid-19: Ex-
1189 periences and Lessons from Vietnam. *Asia Pac J Soc Work*
1190 *Dev.* 2022;32:278-93; Available from: <https://doi.org/10.1080/02185385.2022.2140703>.
- 1191 16. Hartley K, Bales S, Bali AS. Covid-19 Response in A Unitary
1192 State: Emerging Lessons from Vietnam. *Policy Des*
1193 *Pract.* 2021;4:152-68; Available from: <https://doi.org/10.1080/25741292.2021.1877923>.
- 1194 17. Anh NT. Solutions to Recover Vietnam's Economy After the
1195 nCoV-19 Pandemic. *World J Adv Res Rev.* 2022;.
- 1196 18. Tung LT, Duc LA. Can Domestic Tourism Demand Play a
1197 Main Driver for the Post-pandemic Recovery Strategy? Evidence
1198 from Vietnam. *Proc Int Conf Bus Excell.* 2023;17:660-
1199 9; Available from: <https://doi.org/10.2478/picbe-2023-0062>.
- 1200 19. Thắng VC. Policy Measures for Vietnam Tourism in Response
1201 to Impacts of Covid-19. *VNU J Foreign Stud.* 2020; Available
1202 from: <https://doi.org/10.25073/2525-2445/vnufs.4639>.
- 1203 20. Van Tam N. Towards Achieving "Two Parallel Objectives" Dur-
1204 ing the Covid-19 Pandemic in Vietnam: A Response Strategies
1205 Analysis. *Public Adm Issues.* 2022;.
- 1206 21. Tran DT, White ML, Vo TT. Development Strategies for Public
1207 Space Post-Pandemic: A Case Study of Saigon-Ho Chi Minh
1208 City in the Global Context. *IOP Conf Ser Earth Environ Sci.*
1209 2022;1015; Available from: <https://doi.org/10.1088/1755-1315/1015/1/012016>.
- 1210 22. Quang PM, Buyanova ME. Ways to Improve Vietnam's Com-
1211 petitiveness and Economic Recovery in the Context of a Pan-
1212 demic. *Vestn Volgogr Gos Univ Ekon.* 2021; Available from:
1213 <https://doi.org/10.15688/ek.jvolsu.2021.3.10>.
- 1214 23. Anh NT. Solutions to Recover Vietnam's Economy After the
1215 nCoV-19 Pandemic. *World J Adv Res Rev.* 2022;.
- 1216 24. Gerhardt U. Coping and Social Action: Theoretical Recon-
1217 struction of the Life-Event Approach. *Sociol Health Illn.*
1218 1979;1(2):195-225; PMID: 10250397. Available from: <https://doi.org/10.1111/1467-9566.ep10478961>.
- 1219 25. Bourdieu P. The Forms of Capital. In: Halsey A, Lauder H,
1220 Brown P, Wells S, editors. *Education: Culture, Economy, Soci-*
1221 *ety.* Oxford: Oxford University Press; 1997. p. 46-58;.
- 1222 26. Coleman J. Social Capital in the Creation of Human Capital.
1223 *Am J Sociol.* 1988;94(Suppl) ; Available from: <https://doi.org/10.1086/228943>.
- 1224 27. Putnam R. Bowling Alone: America's Declining Social Capital.
1225 *J Democracy.* 1995;6(1):65-78; Available from: <https://doi.org/10.1353/jod.1995.0002>.
- 1226 28. Hair JF, Black WC, Babin BJ, Anderson RE. *Multivariate Data*
1227 *Analysis.* 7th ed. Upper Saddle River: Pearson Education;
1228 2014;.
- 1229 29. Goh XR, Ishraq F, Alawdeen FMBN, Chua G, Yeo DEH, Rot-
1230 gans JI, et al. Migrant Workers and Their Concerns During
1231 the Covid-19 Pandemic. *SSRN Electron J.* 2021; Available from:
1232 <https://doi.org/10.2139/ssrn.3759646>.
- 1233 30. Htay MNN, Marzo RR, Bahari R, AlRifai A, Kamberi F, El-Abasiri
1234 RA, et al. How Healthcare Workers are Coping with Men-
1235 tal Health Challenges During Covid-19 Pandemic? *Clin Epi-*
1236 *demiol Glob Health.* 2021;11:100759; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.cegh.2021.100759>.
- 1237 31. Ogueji IA, Agberotimi SF, Adesanya BJ, Gidado TN. Mental
1238 Health and Coping Strategies During the Covid-19 Pandemic:
1239 A Qualitative Study of Unemployed and Employed People
1240 in Nigeria. *Anal Soc Issues Public Policy.* 2021;21(1):941-
1241 59; Available from: <https://doi.org/10.1111/asap.12259>.
- 1242 32. Unnikrishnan A, Figliozzi MA. A Study of the Impact of Covid-
1243 19 on Home Delivery Purchases and Expenditures. 2020;.
- 1244 33. Fang D, Thomsen MR, Nayga RM, Yang W. Food Insecurity Dur-
1245 ing the Covid-19 Pandemic: Evidence from A Survey of Low-
1246 Income Americans. *Food Secur.* 2021;14(1):165-83; Available
1247 from: <https://doi.org/10.1007/s12571-021-01189-1>.
- 1248 34. ao L, Haq SU, Shahbaz P, Zhao L, Nadeem M, Aziz B. Chang-
1249 ing Food Patterns During the Pandemic: Exploring the Role
1250 of Household Dynamics and Income Stabilization Strategies.
1251 *Sustainability.* 2022;15(1):123; Available from: <https://doi.org/10.3390/su15010123>.
- 1252 35. Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh. Về một số chế độ, chính
1253 sách đặc thù phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19,
1254 Hỗ trợ người dân bị tác động bởi dịch Covid-19 trên địa bàn
1255 TP Hồ Chí Minh. 09/2021/NQ-HĐND; 2021a;.
- 1256 36. Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh. Về chính sách hỗ trợ người
1257 dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên địa
1258 bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Đợt 3). 97/NQ-HĐND; 2021b;.
- 1259 37. Thủ tướng Chính phủ. Chỉ thị số 15/CT-TTg: Về quyết liệt thực
1260 hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19. 15/CT-TTg;
1261 2020a;.
- 1262 38. Thủ tướng Chính phủ. Chỉ thị số 16/CT-TTg: Về thực hiện các
1263 biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. 16/CT-TTg;
1264 2020b;.
- 1265 39. Chính phủ. Nghị quyết số 116/NQ-CP: Về chính sách hỗ trợ
1266 người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi
1267 đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. NQ 116/NQ-
1268 CP; 2021;.
- 1269 40. Chính phủ. Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg: Quy định về việc
1270 thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người
1271 sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. QĐ
1272 23/2021/QĐ-TTg; 2021;.
- 1273 41. General Statistics Office (GSO). *Statistical Yearbook 2019.* GSO
1274 Publishing; 2019;.

The coping strategies of diverse labor groups in Ho Chi Minh City in the context of the Covid-19 pandemic

Pham Thi Thuy Trang^{1,*}, Nguyen Thuy Nguyen²



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This study aims to understand the impact of the Covid-19 pandemic on various labor groups in Ho Chi Minh City through a sociological lens. This study focuses on analyzing disparities between labor groups in following up and resolving operational issues of the pandemic. The study used quantitative and qualitative research methods, including secondary analysis with 350 sample units and in-depth interviews for 16 participants.

The results show that government practices have significant effects on individuals' response mechanisms. The study also highlights the role of studying the importance of social capital and social networks in overcoming difficulties caused by the pandemic. The study also highlights socio-economic research activities in deeply vulnerable labor groups, especially the strengthening of social inequality. Differential support factors in access to health services, loss of employment and income, and access to information and support have contributed to this inequality. This highlights the importance of policy support, especially for groups of workers with small social networks. By providing insights into the uneven impact of the Covid-19 pandemic on various labor groups in Ho Chi Minh City, the article aims to suggest policy solutions that can be adopted, more appropriate and effective in reducing inequality and bringing about socio-economic benefits. Based on the research results, several recommendations are proposed, including designing policies tailored to each demographic group, creating more accessible and inclusive policy frameworks, and harnessing social capital and social support networks to strengthen worker resilience and ensure access to tools for both formal and informal workers with government support.

Key words: impact of Covid-19, government support, coping strategies, laborers, Ho Chi Minh City

¹University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM

²Postgraduate, Faculty of Sociology, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM

Correspondence

Pham Thi Thuy Trang, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM

Email: trangpham@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19/01/2024
- Revised: 24/6/2024
- Accepted: 19/9/2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Trang P T T, Nguyen N T. **The coping strategies of diverse labor groups in Ho Chi Minh City in the context of the Covid-19 pandemic.** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.